

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 25 - 6 - 2026.

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thọ; Bà Lê Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2026/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2026/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Mạnh H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu A, xã T, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu A, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu C, xã V, tỉnh Phú Thọ. (Hiện đang lao động tại Liên bang N). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đào Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn ngày 12/01/2011 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn, hai bên được tìm hiểu tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nhiều lần anh chị tự hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị N đã đi xuất khẩu lao động tại Liên bang N, địa chỉ cụ thể của chị N tại Nga anh không nắm được do chị N không nói cho anh biết. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung là cháu Đào Ánh N1, sinh ngày 18/8/2011 và cháu Đào Ngọc H1, sinh ngày 19/9/2015. Hiện cháu N1 đang sống cùng mẹ đẻ của chị N là bà Hán Thị H2, cháu H1 đang sống cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, anh đồng ý giao cháu N1 cho chị N và bà ngoại chăm sóc nuôi dưỡng. Anh không đề nghị chị N phải cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị N: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị N đến Tòa án làm việc, tuy nhiên chị N vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2026 bà Hán Thị H2, sinh năm 1962, địa chỉ: Khu C, xã V, tỉnh Phú Thọ là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị N, bà H2 khai:

Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị N. Chị N là bị đơn trong vụ án ly hôn với anh Đào Mạnh H. Chị N và anh H kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, hai anh chị sinh được hai người con là cháu Đào Ánh N1, sinh năm 2011; Đào Ngọc H1, sinh năm 2015. Giữa anh H chị N có mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà không biết. Khoảng năm 2021 thì ba mẹ con chị N về nhà bà ở, anh H bảo với bà cho mẹ con chị N về chơi mấy ngày. Nhưng ba mẹ con chị N ở với bà thời gian lâu mà không thấy anh H lên đón về, mấy tháng sau anh H chỉ đón cháu H1 là con trai về, cũng bảo với bà là cho cháu về nội chơi. Còn cháu N1 và chị N ở cùng bà từ đó đến nay. Cách đây khoảng hai năm, chị N đã đi làm ăn xa, theo bà được biết là chị N đi làm ở nước Nga, địa chỉ cụ thể của chị N như thế nào bà không biết. Mặc dù chị N đi làm xa, nhưng chị N vẫn thường xuyên chuyển khoản tiền học của hai con cho cô giáo chủ nhiệm và nhờ bà ở nhà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1. Bà không gọi được điện thoại cho chị N trước được vì số điện thoại ở nước ngoài, chị N chủ động gọi về cho bà. Đối với yêu cầu ly hôn của anh H, chị N cũng được biết nhưng chưa có quan điểm gì. Khi Tòa án có giấy triệu tập, bà đã báo cho chị N biết, chị N có bảo bà xuống Tòa án xem công việc giải quyết như thế nào.

Nếu trong trường hợp anh H chị N được Tòa án giải quyết ly hôn, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà đồng ý tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 giúp chị N.

Mọi văn bản tố tụng của Tòa án đề nghị gửi cho bà, bà sẽ thông báo cho chị N biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2026, bà H2 khai: Chị N cũng nói với bà về quan hệ hôn nhân, nếu anh H kiên quyết ly hôn, chị N cũng nhất trí ly hôn với anh H. Về con chung, chị N đề nghị được nuôi cháu Đào Ánh N1, đồng ý để anh H nuôi cháu Đào Ngọc H1. Do hiện nay chị N đi làm ăn xa nên chị vẫn tiếp tục nhờ bà nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N1, mọi chi phí sinh hoạt, học tập của cháu N1, chị N sẽ gửi cho bà. Bà không cung cấp được địa chỉ của chị N ở Nga cho Tòa án được do chị N không nói cho bà biết do toàn là tiếng nước ngoài. Về tài sản chung, các nội dung khác liên quan chị N có nói với bà là chưa đề nghị, để chị N suy nghĩ, sẽ đề nghị sau.

Bà đề nghị Tòa án tiếp tục gửi các văn bản tố tụng của chị N cho bà, bà sẽ thông báo cho chị N biết ngay sau khi nhận được.

Tòa án đã gửi Công văn xác minh thông tin xuất nhập cảnh của chị N2 tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an Tỉnh P. Tại Công văn số 366/QLXNC-Đ1 ngày 20/3/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh P trả lời: Chị Nguyễn Thị N được cấp hộ chiếu số E01254249 để xuất cảnh lần đầu ngày 12/3/2024 qua Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại Biên bản làm việc ngày 26/5/2026 đại diện khu dân cư và UBND xã T cung cấp: Anh Đào Mạnh Hùng và chị Nguyễn Thị N có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2011 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển số 2. Quá trình chung sống giữa anh H, chị N phát sinh những mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì khu dân cư và địa phương không nắm được do anh chị không báo cáo.

Theo khu dân cư được biết từ khoảng năm 2021 đến nay, khu dân cư không thấy chị N sinh sống cùng anh H tại địa phương. Anh H và chị N có hai con chung một trai, một gái. Khu dân cư chỉ thấy cháu trai sống cùng anh H và ông bà nội.

Việc ly hôn giữa anh H và chị N, quan điểm của địa phương và khu dân cư là: Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng:

Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự; Bị đơn vắng mặt không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 121, Điều 132 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Mạnh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Mạnh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Giao con chung Đào Ánh N1, sinh ngày 18/8/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 6/2026; Giao con chung Đào Ngọc H1, sinh ngày 19/9/2015 cho anh Đào Mạnh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 6/2026.

Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Đào Mạnh Hùng chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sau khi nghe ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Đào Mạnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, con chung với bị đơn chị Nguyễn Thị N, xác định đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị N hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Phú Thọ và đang lao động tại Liên bang N (không có địa chỉ cụ thể) nên căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ.

- Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Anh Đào Mạnh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự, là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đào Mạnh H và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2011 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ); đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị không hạnh phúc, có những mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng anh H chị N thực tế không còn chung sống cùng nhau từ năm 2021 đến nay. Anh H xin ly hôn, chị N thông qua mẹ đẻ cũng hoàn toàn nhất trí ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho anh H được ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Anh H và chị N có hai con chung là Đào Ánh N1, sinh ngày 18/8/2011 và Đào Ngọc H1, sinh ngày 19/9/2015. Hiện nay cháu H1 đang ở với anh H, cháu N1 đang ở với mẹ đẻ chị N là bà Hán Thị H2. Ly hôn, anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, chị N thông qua mẹ đẻ thể hiện nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, nhất trí để anh H nuôi dưỡng cháu H1. Bà Hán Thị H2 là mẹ đẻ chị N cũng đồng ý tiếp tục giúp chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1. Hai bên không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với cháu Đào Ánh N1, hiện đang sinh sống cùng bà ngoại là bà Hán Thị H2, được bà H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo đảm điều kiện về ăn ở, học tập; cháu đã ổn định môi trường sống từ trước đến nay. Mặc dù chị N hiện đang lao động ở nước ngoài, không trực tiếp chăm sóc cháu, nhưng chị N đã có sự sắp xếp, thống nhất với mẹ đẻ về việc hỗ trợ trông nom, chăm sóc cháu N1 trong thời gian vắng mặt; đồng thời chị N vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm và gửi tiền về để bảo đảm việc nuôi dưỡng cháu N1. Chị N và bà H2 cũng có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng

cháu N1. Đối với cháu Đào Ngọc H1, hiện đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng ổn định, anh H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1.

Xét thấy việc giao cháu N1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục có sự hỗ trợ của bà ngoại, vẫn bảo đảm điều kiện chăm sóc, giáo dục và sự phát triển ổn định của cháu; đồng thời phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu; G cháu H1 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và điều kiện nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp:

Anh Đào Mạnh H và chị Nguyễn Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí:

Anh Đào Mạnh Hùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 121, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Mạnh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Mạnh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Giao con chung Đào Ánh N1, sinh ngày 18/8/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 6/2026 cho tới khi con thành niên; Giao con chung Đào Ngọc H1, sinh

ngày 19/9/2015 cho anh Đào Mạnh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 6/2026 cho tới khi con thành niên

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Đào Mạnh H và chị Nguyễn Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Anh Đào Mạnh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí. Xác nhận anh H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001028 ngày 04/2/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Đào Mạnh Hùng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKS ND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 4 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 4 - Phú Thọ;
- UBND xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Hoa